

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NGÃ BẢY
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 08/2022/DS-ST

Ngày: 14/6/2022

V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NGÃ BẢY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hải;
2. Ông Trịnh Thị Ngọc Diễm

- Thư ký Tòa án: Ông Nguyễn Hùng Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ngã Bảy: Bà Nguyễn Thị Hồng Tuyết - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2021/TLST-DS, ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc “**Tranh chấp hợp đồng vay tài sản**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST-DS ngày 25/5/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Đỗ Văn Đ, sinh năm 1962.

Trú tại: Khu vực S, phường HT, thành phố NB, tỉnh Hậu Giang

Ủy quyền cho ông Phạm Hoài T, sinh năm 1957. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu vực 7, phường HT, thành phố NB, tỉnh Hậu Giang

- Bị đơn: 1. Nguyễn Văn T1, sinh năm 1964. (Vắng mặt)

2. Đào Thị T2, sinh năm 1964. (Vắng mặt)

Cùng trú tại: Khu vực B, phường HT, thành phố NB, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/11/2021 và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do chỗ quen biết nên vào ngày 02/5/2016 có cho vợ chồng ông T1 và bà T2 vay số tiền là 100.000.000đ, lãi suất 5%/tháng và khi nào cần lấy lại vốn thì cho bị

đơn hay trước 02 tháng. Khi vay có làm biên nhận nợ, có chữ ký xác nhận của ông T1 và bà T2.

Đến ngày 29/4/2017 bà Đào Thị T2 có vay thêm 100.000.000đ với lãi suất 5%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng. Có làm biên nhận nợ và bà T2 ký tên xác nhận vào biên nhận.

Đến ngày 15/11/2017 vợ chồng ông T1 và bà T2 có đến vay thêm 50.000.000đ với lãi suất 5%/tháng. Thời hạn vay là 03 tháng và nếu khi nào nguyên đơn cần thì cho vợ chồng ông T1 hay trước 01 tháng.

Hết thời hạn vay bà T2 và ông T1 vẫn không trả lại cho nguyên đơn số tiền nào. Đến khoảng tháng 3/2018 nguyên đơn có đến nhà vợ chồng ông T1 và bà T2 để đòi nợ nhưng vợ chồng có hành vi trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nguyên đơn đã làm thủ tục thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú đối với các bị đơn nhưng các bị đơn vẫn không về để trả số tiền trên cho nguyên đơn.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà Thu và ông T1 trả số tiền 150.000.000đ. Riêng bà T2 trả số tiền 100.000.000đ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các bị đơn vắng mặt không tham gia tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ngã Bảy tham gia phiên tòa nhận định từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến nay nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện tốt nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T1 và bà Đào Thị T2 trả cho nguyên đơn số tiền 150.000.000đ. Riêng bà Đào Thị T2 trả cho nguyên đơn số tiền 100.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông T1 và bà Thu trả số tiền là 150.000.000, riêng bà T2 trả số tiền 100.000.000đ, không yêu cầu tính lãi suất, đây là quan hệ tranh chấp Hợp đồng vay tài sản thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Ngã Bảy theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả số tiền 150.000.000đ, riêng bà T2 trả số tiền 100.000.000đ, không tính lãi suất.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, nguyên đơn vào ngày 02/5/2016 có cho ông T1 và bà T2 vay 100.000.000đ, ngày 15/11/2017 có cho ông T1 và bà T2 vay thêm 50.000.000đ và ngày 29/4/2017 có cho riêng bà Đào Thị T2 vay 100.000.000đ. Tất cả các lần vay trên đều có làm biên nhận nợ và có chữ ký xác nhận của các bị đơn vào biên nhận nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy, sự việc vay tiền trên là có thật, nguyên đơn khởi kiện đã cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là biên nhận vay vốn kinh doanh số tiền 100.000.000đ được lập ngày 02/5/2016 và biên nhận cho vay mượn tiền số tiền 50.000.000đ được lập ngày 15/11/2017 có chữ ký ông T1 và bà T2. Riêng bà T2 thì có biên nhận cho vay mượn tiền được lập ngày 29/4/2017 với số tiền là 100.000.000đ, có chữ ký xác nhận của bà T2. Đến nay, các bị đơn vẫn chưa trả số tiền trên cho nguyên đơn.

Từ những cơ sở nêu trên việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông T1 và bà T2 trả số tiền 150.000.000đ và riêng bà T2 là 100.000.000đ là có cơ sở chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Các bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn Nguyễn Văn T1 và Đào Thị T2 có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng). Riêng bà Đào Thị T2 có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chậm hoàn trả số tiền trên thì hàng tháng bị đơn phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Các bị đơn ông T1 và bà T2 phải liên đới chịu 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm triệu đồng). Riêng bà T2 chịu thêm 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Nguyên đơn được nhận lại 6.250.000 đồng (Sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), theo lai thu 0008573 ngày 14/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ngã Bảy.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết Ủy ban nhân dân tại địa phương nơi bị đơn cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND TP. Ngã Bảy;
- Những người tham gia tố tụng;
- THA dân sự TP. Ngã Bảy;
- Lưu hồ sơ.

Huỳnh Kim Cương